TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 10 – 3 – 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ LX

- T phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân T phố LX.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 730/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số X, đường C, khóm B, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Duy T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số X, đường C, khóm B, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn xin ly hôn ngày 20/9/2019, tờ tự khai ngày 28/11/2019, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Huyền T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Duy T tự tìm hiểu nhau được 02 năm. Ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào ngày 23/01/2013 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường B ngày 04/3/2013. Hôn nhân lần thứ nhất của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông T mê cờ bạc, bóng đá, đá gà. Bà nhiều lần khuyên chồng sửa đổi nhưng không kết quả, do quá thất vọng nên bà ẫm con đi Côn Đảo sinh sống hơn nửa tháng. Cũng vì cờ bạc nên ông T thường xuyên lừa gạt những người trong gia đình lấy tiền trả nợ, cụ thể như mượn xe của chị ruột rồi sau đó tự ý cầm lấy tiền. Năm 2017 và năm 2018, bà có gửi đơn yêu cầu ly hôn, được sự động viên của người thân và bà cũng muốn tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nên đã rút đơn. Tuy nhiên, sau đó ông T tiếp tục ham mê cờ bạc, nợ nần, không có tài chính để nuôi gia đình của mình. Hiện nay, ông T còn phải xin tiền người thân để tiêu xài hàng ngày. Từ sau ngày Tòa án hòa giải đến nay, ông T vẫn không thay đổi. Bà và con đã về nhà cha mẹ ruột của bà ở từ ngày 20/12/2019. Khi bà chuẩn bị đồ để đi thì phát hiện ông T mang nữ trang của con cầm với giá là 6.000.000 đ (sáu triệu đồng). Do bà không còn niềm tin với chồng, không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung tên Phan Thiên Hân sinh ngày 14/11/2013. Thời gian qua, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do ông T làm nghề tài xế nên sẽ không có điều kiện để chăm sóc con nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là ông Phan Duy T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2019:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự yêu thương nhau và nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn như bà T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với cha mẹ ruột của ông. Cuộc sống gia đình

ông được cha mẹ ông bảo bọc, bà T không phải lo về kinh tế. Thời gian qua, ông nhận thấy ông có lỗi vì đã cờ bạc gây nợ nhưng ông chưa bao giờ yêu cầu bà T phải trả nợ thay ông. Nhận thấy, bản thân còn thương vợ, ông mong muốn được đoàn tụ để con chung có cha có mẹ đầy đủ. Thời gian qua, ông cũng đã năn nỉ bà T rất nhiều nhưng bà T vẫn cương quyết, ở nhà thì vợ chồng ông không thể nói chuyện được với nhau. Nay, ông yêu cầu Tòa án tạo thêm thời gian để vợ chồng ông có cơ hội hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà T có 01 (một) con chung tên Phan Thiên H sinh ngày 14/11/2013. Do ông không muốn ly hôn nên ông không có ý kiến về việc giải quyết con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Huyền T và ông Phan Duy T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân T phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần thứ 2, không lý do. Bà T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Huyền T và ông Phan Duy T tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 21/Q01 ngày 04/3/2013, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T cho rằng, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T ham mê cờ bạc, không quan tâm đến kinh tế gia đình, không lo cho cuộc sống tương lai. Sau nhiều lần được gia đình hòa giải bà cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không T. Phía ông T trình bày, ông vẫn còn thương vợ con, ông mong muốn được đoàn tụ và cam kết sẽ tránh xa tệ nạn cờ bạc, ổn định lại đời sống.

[5] Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà T, Tòa án đã tạo thêm thời gian dài để đôi bên có thêm cơ hội chia sẻ, thông cảm lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiếp tục động viên bà T. Tuy nhiên, bà T xác định niềm tin, tình cảm đối với chồng không còn nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T, ông T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông T.

[6] Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung tên Phan Thiên H sinh ngày 14/11/2013. Xét thấy, do cháu H là bé gái cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

[7] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đ (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] ***Về án phí*:** Bà T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu

số 0005821 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Huyền T được ly hôn với ông Phan Duy T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung tên Phan Thiên H sinh ngày 14/11/2013. Bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật mỗi tháng là 745.000 đ (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung trưởng T (đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được thay đổi theo từng thời điểm mà pháp luật có quy định.

Bà T cùng các T viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về án phí*:** Bà T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005821 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p. B;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh